

Số: /2024/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025

1. Sửa đổi tên gọi của Nghị quyết như sau:

“Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và quy định về địa bàn áp dụng chính sách

1. Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.

2. Địa bàn áp dụng chính sách

a) Khu vực miền núi gồm các huyện: Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức và Nông Sơn.

b) Khu vực đồng bằng gồm các huyện, thị xã, thành phố: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Phú Ninh và Núi Thành.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Mục tiêu chung:

Tập trung ưu tiên bố trí, sắp xếp dân cư, ổn định sản xuất gắn với quy hoạch nông thôn mới và các quy hoạch khác nhằm phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra; ổn định chỗ ở, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, cải thiện sinh kế, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư cho 3.677 hộ, bao gồm: 3.312 hộ dân vùng thiên tai; 28 hộ dân cư trú trong khu vực bảo vệ của rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; hộ dân vùng đặc biệt khó khăn 337 hộ. Trong đó:

a) Khu vực miền núi: Giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện hỗ trợ cho 3.524 hộ, bao gồm: Hộ sắp xếp ổn định vùng thiên tai 3.159 hộ (đã thực hiện 1.727 hộ); hộ dân cư trú trong khu vực bảo vệ của rừng đặc dụng, rừng phòng hộ 28 hộ (đã thực hiện 06 hộ); hộ dân vùng đặc biệt khó khăn 337 hộ (đã thực hiện 337 hộ).

b) Khu vực đồng bằng: Giai đoạn 2024 – 2025 thực hiện hỗ trợ cho 153 hộ dân vùng thiên tai.”

4. Bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình trên địa bàn khu vực đồng bằng quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này với các nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm h và điểm i, khoản 1, Điều này.

Trường hợp các hộ gia đình vùng thiên tai cấp bách phải thực hiện di dời, sắp xếp, ổn định dân cư từ năm 2021 – 2023 mà chưa được hỗ trợ từ các chính sách thì hỗ trợ trực tiếp với nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều này.”

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Tổng kinh phí thực hiện: Dự kiến khoảng **360.268,1 triệu đồng**. Trong đó:

a) Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho hộ sắp xếp, ổn định dân cư: **359.165,0 triệu đồng**.

b) Kinh phí quản lý, triển khai thực hiện chính sách: **1.103,1 triệu đồng**. Mức tối đa bằng 0,3 triệu đồng/hộ; trong đó, cấp huyện tối đa bằng 0,1 triệu đồng/hộ, cấp xã tối đa bằng 0,2 triệu đồng/hộ.”

(Chi tiết kèm theo Phụ lục)”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024. Các nội dung tại Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Điều khoản chuyển tiếp: Đối với các phương án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các bước kế tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các phương án mới triển khai sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khoá X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND;
- Các Bộ: TC, KHĐT, LĐTB&XH, NN&PTNT, Ủy ban Dân tộc;
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, CTĐB.

CHỦ TỊCH